

Số: 340 /BVĐK-VTTBYT
Về việc mời báo giá vật tư y tế

Ninh Bình, ngày 13 tháng 3 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các Công ty sản xuất, kinh doanh vật tư y tế

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua một số vật tư y tế cho khoa Chấn thương và khoa Ngoại Thần kinh - Sọ não với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Bộ phận văn thư, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình. (Nếu có các vấn đề cần làm rõ, đề nghị liên hệ bà Nguyễn Kim Thủy, SĐT 0943.471.606 để được giải đáp)
- Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp hoặc qua chuyển phát nhanh tại Bộ phận văn thư, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình

- Nhận bản giấy:

Các đơn vị gửi trực tiếp bản giấy báo giá hoặc gửi qua dịch vụ chuyển phát về địa chỉ sau đây (ghi trên bao bì báo giá):

Bộ phận Văn thư, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Đường Tuệ Tĩnh, Phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình; Điện thoại: 02293 871 030.

- Nhận bản scan màu qua email: vtytbvdknb@gmail.com.

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trước 17h00 ngày 23/3/2026.
Thời điểm tiếp nhận báo giá được tính là thời điểm nhận báo giá bản giấy hoặc thời điểm nhận bản scan qua email (*thời điểm báo có thư đến*) tùy thời điểm nào đến trước.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: **Tối thiểu 180 ngày**, kể từ thời điểm kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục này.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

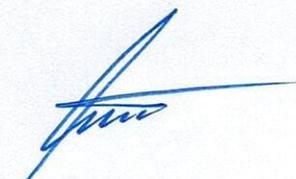
- Danh mục vật tư (có phụ lục kèm theo)
- Địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp:

- Địa điểm cung cấp: Kho Vật tư tiêu hao – Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình
- Yêu cầu về vận chuyển, cung cấp: Vận chuyển, bốc xếp, bàn giao tại Kho Vật tư tiêu hao – Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình
- 3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 05 ngày kể từ ngày đặt hàng.
- 4. Dự kiến các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
 - Tạm ứng: Không
 - Phương thức thanh toán: bằng chuyển khoản. Thời gian thanh toán: 90 ngày kể từ ngày hoàn thành hồ sơ thanh toán.
- 5. Các thông tin khác
 - Tình trạng hàng hóa: mới 100%.
 - Mẫu báo giá: Theo mẫu báo giá kèm theo công văn này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- Phòng CTXH (để đăng tải)
- Lưu: VT, TCKT, VT-TBYT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Tuyên

Mẫu báo giá

(Kèm theo Yêu cầu báo giá báo giá số

/BVĐK-VTTBYT ngày

/3/2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình)

Công ty...

Địa chỉ...

Điện thoại...

Email...

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu	Hãng, nước Sản xuất	Thông số kỹ thuật	Số lưu hành	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (Có VAT)	Thành tiền (VNĐ)
1											
2											
...											
Tổng số: ... mặt hàng											

Giá trên đã bao gồm phí, thuế và vận chuyển bốc xếp tại kho

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày theo chính sách bán hàng của đơn vị], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngày ... tháng ... năm ... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

....., ngày.....tháng.....năm 2026

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

DANH MỤC, SỐ LƯỢNG MUA SẴM VẬT TƯ Y TẾ

(Kèm theo Công văn số 340 /BVĐK-VTTBYT ngày 13 /3/2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình)

STT	Tên phần (lô)	Tên hàng hoá	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng dự trữ
1	Khớp gối toàn phần có xi măng	Khớp gối toàn phần có xi măng	<p>Khớp gối toàn phần có xi măng cấu tạo bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> Lõi cầu xương đùi các cỡ, có loại chân trái - chân phải khác nhau. Đường kính trong - ngoài từ 53mm đến 80mm. Trước - sau từ 49mm đến 72mm. Lớp lót mâm chày kích thước các cỡ. Chiều dày các cỡ. Mâm chày có nhiều kích thước và đường kính các cỡ. Tương thích với lớp lót. Bánh chè có độ dày và đường kính các cỡ. Xi măng xương cân quang. <p>Đạt tiêu chuẩn ISO13485</p>	Nhóm các nước Châu Âu hoặc G7	Bộ	40
2	Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi dài	Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi dài	<p>Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi dài cấu tạo bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> Cuống khớp loại dài: Chất liệu Titanium/hợp kim Titanium, phủ HA. Chiều dài chuỗi có nhiều cỡ khác nhau ≥ 170mm, Chân trái và chân phải riêng biệt. Ổ cối bán phần (Vỏ đầu chòm + lót đầu chòm): + Vỏ đầu chòm chất liệu thép không gỉ hoặc hợp kim Cobalt Chrome + Lót đầu chòm chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE), có các cỡ Chòm khớp: thép không gỉ hoặc hợp kim Cobalt Chrome, có tối thiểu 2 loại đường kính khác nhau <p>Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE</p>	Nhóm các nước Châu Âu hoặc G7	Bộ	160
3	Khớp háng bán phần không xi măng	Khớp háng bán phần không xi măng	<p>Khớp háng bán phần không xi măng cấu tạo bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> Cuống khớp không xi măng: Chất liệu Titanium/hợp kim Titanium, phủ HA (hydroxyl apatite), kích thước các cỡ. Ổ cối bán phần (Vỏ đầu chòm + lót đầu chòm): + Vỏ đầu chòm chất liệu thép không gỉ hoặc hợp kim Cobalt Chrome + Lót đầu chòm vật liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) Chòm khớp: chất liệu thép không gỉ hoặc hợp kim Cobalt Chrome, có tối thiểu hai loại đường kính, mỗi loại đường kính chòm dùng với vỏ chòm kích thước khác nhau <p>Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE</p>	Nhóm các nước Châu Âu hoặc G7	Bộ	200
4	Khớp háng toàn phần không xi măng hai trục linh động	Khớp háng toàn phần không xi măng hai trục linh động	<p>Khớp háng toàn phần không xi măng cấu tạo bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> Cuống khớp không xi măng: Chất liệu Titanium/hợp kim Titanium, phủ HA (hydroxyl apatite), có thể phủ thêm lớp Titanium hoặc không. Ổ cối không xi măng hai trục linh động: phủ HA (hydroxyl apatite), có thể phủ thêm lớp Titanium hoặc không. Đường kính có tối thiểu đủ các cỡ: 46,48, 50, 52, 54, 56, 58mm. Lót ổ cối: Chất liệu PE tương thích với đường kính chòm, phù hợp với từng kích cỡ ổ cối khác nhau. Chòm khớp: Đường kính chòm các cỡ. <p>Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE</p>	Nhóm các nước Châu Âu hoặc G7	Bộ	150

STT	Tên phần (lô)	Tên hàng hoá	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng dự trữ
5	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng cấu tạo bao gồm: 1. Cuống khớp không xi măng: Chất liệu Titanium/hợp kim Titanium, phủ HA (hydroxyl apatite). 2. Ổ cối không xi măng: Chất liệu Titanium/hợp kim Titanium. Có đủ các cỡ đường kính khác nhau: từ 44mm - 60mm, có lỗ để bắt vít. Mỗi kích thước ổ cối khác nhau phù hợp với kích cỡ lót ổ cối khác nhau. 3. Lót ổ cối: Chất liệu UHMWPE 4. Vít ổ cối: Chất liệu Titanium/hợp kim titanium, chiều dài đủ các cỡ từ 20mm đến 35mm, bước nhày ≤ 5mm. Bộ gồm tối thiểu 02 vít 5. Chòm khớp: Đường kính các cỡ, chất liệu hợp kim hoặc Cobalt Chrome Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE	Nhóm các nước Châu Âu hoặc G7	Bộ	50
6	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chòm Ceramic	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chòm Ceramic	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng cấu tạo bao gồm: 1. Cuống khớp không xi măng: Chất liệu Titanium/hợp kim Titanium, phủ HA (hydroxyl apatite). 2. Ổ cối không xi măng: Chất liệu Titanium/hợp kim Titanium. Đường kính có đủ các cỡ từ: 44 - 60mm, có lỗ để bắt vít. 3. Lót ổ cối: Chất liệu Polyethylene. 4. Vít ổ cối: Chất liệu Titanium/hợp kim Titanium, chiều dài đủ các cỡ từ 20 đến 35mm, các cỡ chênh nhau ≤ 5mm. Bộ gồm tối thiểu 02 vít 5. Chòm khớp: Chất liệu Ceramic. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE	Nhóm các nước Châu Âu hoặc G7	Bộ	150
7	Vật tư dùng trong phẫu thuật nội soi khớp gối					
7.1		Lưới bảo khớp đường kính các cỡ	Lưới bảo khớp: đóng gói tiệt trùng, dùng 1 lần. Đường kính lưới bảo có các cỡ. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	G20	Cái	275
7.2		Lưới cắt đốt bằng sóng radio các cỡ	Loại lưới đầu cắt có góc nghiêng 90°. Đường kính D: $3,5\text{mm} \leq D \leq 4,5\text{mm}$. Đầu cắt thiết kế lưỡng cực công nghệ plasma. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	G20	Cái	275
7.3		Vít treo cố định dây chằng chéo điều chỉnh chiều dài	- Vít treo điều chỉnh chiều dài cấu tạo gồm 3 phần: + Vòng chỉ điều chỉnh chiều dài chất liệu cao phân tử UHMWPE + Chi kéo + Tấm Titanium: Chất liệu Titanium hoặc hợp kim Titanium Đạt tiêu chuẩn ISO13485	G20	Cái	350
7.4		Dây dẫn nước cho máy bơm nước	Dây dẫn nước dùng một lần, có hai đầu nước vào ra riêng biệt. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	G20	Cái	275
7.5		Chi siêu bền	Chi được làm từ vật liệu cao phân tử (UHMWPE). Có kim bằng chất liệu thép không gỉ, chi liền kim Đạt tiêu chuẩn ISO13485	G20	Sợi	200

STT	Tên phần (lô)	Tên hàng hoá	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng dự trữ
7.6		Mũi khoan ngược	Mũi khoan ngược có chức năng khoan ngược lại, đo được chiều dài đường hầm xương. - Có nút trên tay cầm để điều chỉnh đầu mũi khoan . - Đường kính đủ các cỡ từ 7 - 10mm (bước nhảy ≤ 1mm) Đạt tiêu chuẩn ISO13485	G20	Cái	160
8	Vật tư dùng trong phẫu thuật nội soi khớp vai					
8.1		Lưỡi bào khớp	Đường kính lưỡi bào D: $3.0\text{ mm} \leq D \leq 4.0\text{ mm}$. Chiều dài làm việc L: $85\text{mm} \leq L \leq 128\text{mm}$ Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE	G20	Cái	95
8.2		Dây nước dùng cho phẫu thuật nội soi khớp	Dây dẫn nước nội soi chạy bằng máy, có đường nước ra vào riêng biệt, có bộ lọc Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE	G20	Cái	95
8.3		Lưỡi mài xương	Lưỡi mài xương hình bầu dục, đường kính 5,5/ 6,5mm, đóng tiết trùng Đạt tiêu chuẩn ISO13485	G20	Cái	95
8.4		Lưỡi cắt đốt bằng sóng radio	Góc nghiêng ≤90 độ . Đường kính từ 3,5 mm đến 4,3mm. Chiều dài từ ≤220mm Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE	G20	Cái	95
8.5		Vít chỉ neo	Vít chỉ neo chất liệu PEEK hoặc Titanium/hợp kim Titanium/ Biocomposite, chi chất liệu UHMWPE Gồm các kích thước trong khoảng từ 3.5mm đến 5.5mm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE.	G20	Cái	140
8.6		Trocar nhựa dùng trong nội soi khớp	Trocar nhựa dùng cho nội soi khớp vai, chất liệu nhựa y tế Đường kính gồm tối thiểu 2 cỡ từ 7mm đến 8mm Đạt tiêu chuẩn ISO13485	G20	Cái	70
8.7		Vít chôn chỉ	Vít chôn chỉ chất liệu PEEK hoặc Biocomposite, đường kính từ 4,5mm đến 5,5mm Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE	G20	Cái	140
9	Vít khâu sụn chêm	Vít khâu sụn chêm	Vít khâu sụn chêm chất liệu PEEK kết hợp chi khâu chất liệu UHMWPE có độ bền cao, tương thích sinh học. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE	G20	Cái	20
10	Nẹp vít chấn thương chất liệu thép không gỉ					
10.1		Nẹp khóa đầu trên xương đùi	Chất liệu thép không gỉ. Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. Số lỗ trên thân nẹp nhiều loại, trong đó tối thiểu đủ các loại 4,6,8 lỗ hoặc 3,5,7 lỗ - Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	Cái	50

STT	Tên phần (lô)	Tên hàng hoá	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng dự trữ
10.2		Nẹp DCP bán hẹp các cỡ, vít 4.5/6.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ. Số lỗ trên thân nẹp nhiều loại, trong đó tối thiểu đủ các loại số chẵn từ 6 đến 14 lỗ. - Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất. - Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE; 	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	Cái	20
10.3		Nẹp khóa bán hẹp (thân xương chày) các cỡ, dùng vít 5.0mm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ. - Nẹp dày $\geq 4,0\text{mm}$; rộng $\geq 13,5\text{mm}$ - Số lỗ trên thân nẹp nhiều loại, trong đó tối thiểu có đủ các loại từ 6 đến 14 lỗ - Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE 	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	Cái	50
10.4		Nẹp khóa mắt xích (tái tạo) các cỡ, dùng vít khóa 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ. - Số lỗ trên thân nẹp nhiều loại, trong đó tối thiểu đủ các loại số chẵn từ 4 đến 12 lỗ - Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất, cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE 	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	Cái	200
10.5		Nẹp khóa đầu dưới xương quay cổ tay trái / phải các cỡ, dùng vít khóa 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ. - Nẹp dày $\leq 2,0\text{mm}$ - Số lỗ trên thân nẹp nhiều loại, trong đó tối thiểu đủ các loại 3, 5 lỗ trái / phải - Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất. Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE; 	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	Cái	50
10.6		Nẹp khóa bán rộng các cỡ dùng vít khóa 5.0mm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ. - Nẹp dày $\geq 5,0\text{mm}$ - Số lỗ trên thân nẹp nhiều loại, trong đó tối thiểu đủ các số chẵn từ 6 đến 14 lỗ - Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất. Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE; 	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	Cái	40
10.7		Nẹp khóa chữ T các cỡ, dùng vít khóa 5.0mm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ. - Nẹp dày: $\geq 2,5\text{mm}$. - Số lỗ trên thân nẹp nhiều loại, trong đó tối thiểu có đủ các loại từ 5 đến 8 lỗ - Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất. Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE 	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	Cái	40
10.8		Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các cỡ, dùng vít khóa 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ. - Nẹp dày $\geq 2,5\text{mm}$; - Số lỗ trên thân nẹp nhiều loại, trong đó tối thiểu đủ các số từ 3 đến 7 lỗ - Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất. Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE 	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	Cái	70
10.9		Nẹp khóa xương đòn trái, phải các cỡ, dùng vít khóa 3.5mm.	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ. - Nẹp dày $\geq 3,0\text{mm}$ - Số lỗ bắt vít trên thân nẹp nhiều loại, trong đó tối thiểu đủ các loại từ 6 đến 8 lỗ, có loại trái, phải - Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất. Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE. 	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	Cái	150

STT	Tên phần (lô)	Tên hàng hoá	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng dự trữ
10.10		Nẹp khóa đầu dưới xương đùi trái, phải các cỡ, dùng vít khóa 5.0mm.	- Chất liệu thép không gỉ. - Số lỗ bắt vít trên thân nẹp nhiều loại, trong đó tối thiểu đủ các loại số lẻ từ 5 đến 13 lỗ trái/ phải - Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất. Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE.	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	Cái	100
10.11		Nẹp khóa đầu dưới xương chày, mặt trong trái, phải các cỡ, dùng vít khóa 3.5mm	- Chất liệu thép không gỉ. - Nẹp dày $\leq 3,0\text{mm}$; - Số lỗ bắt vít trên thân nẹp nhiều loại, trong đó tối thiểu có đủ các loại chẵn từ 6 đến 14 lỗ trái/ phải - Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất. Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	Cái	70
10.12		Nẹp khóa đầu trên xương chày trái, phải các cỡ, dùng vít khóa 5.0	- Chất liệu thép không gỉ. - Nẹp dày $\geq 3,2\text{mm}$ - Số lỗ bắt vít trên thân nẹp nhiều loại, trong đó tối thiểu có đủ các loại lẻ từ 5 đến 13 lỗ trái/ phải - Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất. Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	Cái	90
10.13		Nẹp mắt xích thẳng (tái tạo) các cỡ, vít 3.5mm	- Chất liệu thép không gỉ. - Nẹp dày $\geq 2,2\text{mm}$ - Số lỗ bắt vít trên thân nẹp nhiều loại, trong đó tối thiểu có đủ các loại từ 4 đến 10 lỗ - Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất. Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	Cái	170
10.14		Vít khóa tự taro đường kính 5.0mm	- Chất liệu thép không gỉ. - Kiểu vít tự taro; - Đường kính ren 5,0mm - Chiều dài đủ các cỡ từ 20mm đến 90mm; mỗi cỡ tăng $\leq 5\text{mm}$ tùy chiều dài vít. Cung cấp kèm tua vít tương thích mũ vít - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	Cái	2.500
10.15		Vít khóa tự taro đường kính 3.5mm	- Chất liệu thép không gỉ. Kiểu vít tự taro - Đường kính ren 3,5mm. - Chiều dài các cỡ, trong đó có tối thiểu đủ các cỡ từ 16mm đến 50mm; mỗi cỡ tăng $\leq 2\text{mm}$ tùy chiều dài vít. Cung cấp kèm tua vít tương thích mũ vít. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE.	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	Cái	2.500
10.16		Vít xương cứng đường kính 3.5mm	- Chất liệu thép không gỉ. - Đường kính ren 3,5mm - Chiều dài các cỡ, trong đó tối thiểu đủ các cỡ từ 16 - 50mm, (bước tăng $\leq 2\text{mm}$). Cung cấp cho tua vít tương thích mũ vít - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	Cái	2.500

STT	Tên phần (lô)	Tên hàng hoá	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng dự trữ
10.17		Vít xương cứng đường kính 4.5mm	- Chất liệu thép không gỉ. - Đường kính ren 4,5mm - Chiều dài các cỡ, trong đó tối thiểu đủ các cỡ từ 20mm đến 60mm, (bước tăng ≤ 2 mm). Cung cấp kèm tua vít tương thích mũ vít - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	Cái	1.200
10.18		Vít xương xóp đường kính 4.0mm	- Chất liệu thép không gỉ. - Đường kính ren 4,0mm; mũ vít lục giác - Chiều dài các cỡ, trong đó tối thiểu đủ các cỡ từ 20mm đến 60mm, mỗi bước tăng 2 - 5mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	Cái	200
10.19		Vít xương xóp đường kính 6.5mm	- Chất liệu thép không gỉ. - Đường kính ren 6,5mm; ren ngắn: ≤ 32 mm; mũ vít lục giác - Chiều dài các cỡ, trong đó tối thiểu đủ các cỡ từ 50 - 105mm; mỗi cỡ tăng ≤ 5 mm - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	Cái	100
11	Đinh Kirschner 2 đầu nhọn các loại các cỡ	Đinh Kirschner 2 đầu nhọn các loại các cỡ	- Chất liệu thép không gỉ. - Đinh 2 đầu nhọn, đường kính các cỡ Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	Cái	700
12	Khung cố định ngoại vi Fessa	Khung cố định ngoại vi Fessa	Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	30
13	Đinh Schanz có ren	Đinh Schanz có ren	Dùng với khung Fessa. Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	200
14	Bộ nẹp vít DHS					
		Nẹp DHS 135 ⁰ các cỡ	Chất liệu thép không gỉ. - Nẹp dày ≥ 6 mm; rộng ≥ 19 mm; khoảng cách lỗ nẹp ≤ 16 mm - Số lỗ trên thân nẹp tối thiểu đủ các số từ 4 đến 10 lỗ - Đồng bộ với vít DHS và vít nén DHS cùng hãng sản xuất - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	Cái	50
		Vít DHS /DCS các cỡ	- Chất liệu thép không gỉ. - Đường kính ren $\geq 12,5$ mm - Chiều dài đủ các cỡ từ 80mm đến 90mm; mỗi cỡ tăng 5mm, đồng bộ với nẹp DHS và vít nén DHS. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	Cái	50
		Chi thép liền kim	Chi thép khâu xương bánh chè số 7, kim tam giác. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE	G20	Sợi	800
		Vít nén DHS/ DCS	- Chất liệu thép không gỉ. Đồng bộ với nẹp DHS và vít DHS - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 và có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn CE	Nhóm các nước Châu Âu/ G7	Cái	50

STT	Tên phần (lô)	Tên hàng hoá	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng dự trữ
15	Nẹp vít chấn thương chất liệu Titan					
15.1		Nẹp khóa bản hẹp	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp khóa bản hẹp. Chất liệu Titanium/hợp kim Titanium. - Số lỗ trên thân nẹp tối thiểu đủ các số chẵn từ 6 đến 14 lỗ. Kết hợp lỗ khóa và lỗ thường, tương thích vít khóa đường kính 5,0mm và vít xương cứng đường kính 4,5mm. - Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 		Cái	80
15.2		Nẹp khoá mắt xích thẳng	<ul style="list-style-type: none"> Nẹp khóa mắt xích thẳng. Chất liệu Titanium/hợp kim Titanium. - Số lỗ trên thân nẹp tối thiểu đủ các số chẵn từ 6 đến 10 lỗ, kết hợp lỗ khóa và lỗ thường. Tương thích với vít khoá đường kính 3,5mm và vít xương cứng đường kính 3,5mm. Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 		Cái	100
15.3		Nẹp khóa bản rộng các cỡ, chất liệu hợp kim Titanium	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp khóa bản rộng được làm từ chất liệu Titanium/hợp kim Titanium. - Nẹp dày $\geq 4,9\text{mm}$ - Số lỗ bắt vít trên thân nẹp tối thiểu đủ các số chẵn từ 10 đến 16 lỗ, kết hợp vít khóa 5,0mm và vít thường 4,5mm giúp linh hoạt cho việc lựa chọn vít. Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 		Cái	80
15.4		Nẹp khóa xương đòn các cỡ chất liệu Titanium	<ul style="list-style-type: none"> Nẹp khóa thân xương đòn chữ S phân biệt trái, phải được làm từ chất liệu Titanium/hợp kim Titanium. - Độ dày $\geq 2,2\text{mm}$ - Số lỗ bắt vít trên thân nẹp: tối thiểu đủ các số từ 6 đến 8 lỗ - Kết hợp vít khóa 3,5mm, vít khóa xương xỏp 3,5mm và vít thường 3,5mm. Trên nẹp có thêm lỗ nhỏ cho đinh Kirschner để cố định nẹp. - Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. 		Cái	100
15.5		Vít khóa đường kính 5.0	<ul style="list-style-type: none"> Vít khóa đường kính 5,0mm. Chất liệu Titanium/hợp kim Titanium Độ dài vít: tối thiểu đủ các cỡ từ 20mm đến 90mm. (bước tăng $\leq 5\text{mm}$) Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 		Cái	800
15.6		Vít khóa đường kính 3.5 mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vít khóa đường kính 3,5mm. Chất liệu Titanium/hợp kim Titanium. - Chiều dài vít: tối thiểu đủ các cỡ từ 16mm đến 50mm (bước tăng $\leq 2\text{mm}$). - Có kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 		Cái	450
15.7		Vít xương cứng đường kính 3.5 mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vít xương cứng đường kính 3,5mm. Chất liệu Titanium/hợp kim Titanium. - Chiều dài: tối thiểu đủ các cỡ từ 16mm đến 50mm, mỗi bước tăng 2 - 5mm - Có kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 		Cái	700

STT	Tên phần (lô)	Tên hàng hoá	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng dự trữ
15.8		Vít xương cứng đường kính 4.5mm	Vít xương cứng đường kính 4,5mm. Chất liệu Titanium/hợp kim Titanium. - Chiều dài: tối thiểu đủ các cỡ từ 20mm đến 60mm, mỗi bước tăng 2 - 5mm - Cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		Cái	700
16	Bộ đỉnh nội tủy xương đùi, xương chày					
		Đỉnh nội tủy xương đùi, xương chày	Đùi loại đỉnh nội tủy xương đùi, xương chày. Yêu cầu đồng bộ đỉnh nội tủy, vít chốt. Chất liệu thép không gỉ, các cỡ. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Nhóm các nước G7	Cái	80
		Vít chốt đỉnh nội tủy xương chày, xương đùi các cỡ	Vít tự ta rô. Yêu cầu đồng bộ đỉnh nội tủy, vít chốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Nhóm các nước G7	Cái	200
17	Bộ đỉnh nội tủy xương đùi rộng nông					
17.1		Đỉnh nội tủy rộng nông xương đùi đa phương diện	Đỉnh nội tủy rộng nông xương đùi có chốt, đường kính thân có nhiều cỡ từ 9.5mm - 11mm. Chiều dài đỉnh tương ứng với mỗi cỡ đường kính từ 320 mm - 400 mm, bước tăng 20mm. Cung cấp trợ cụ để lắp đặt đỉnh đến khi tháo đỉnh. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G20	Cái	50
17.2		Vít chốt khóa	Gồm 2 loại đường kính: 4.5mm và 5.0mm Chiều dài 30 - 70mm, bước tăng 5mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G20	Cái	50
17.3		Vít chốt cổ xương đùi	Chiều dài trong khoảng từ 70mm đến 90mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G20	Cái	50
17.4		Vít nắp đỉnh	Chiều dài 5-15mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G20	Cái	50
18	Bộ đỉnh nội tủy đầu trên xương đùi chống xoay					
18.1		Đỉnh nội tủy rộng nông đầu trên xương đùi chống xoay	- Đỉnh nội tủy đầu trên xương đùi chống xoay, chất liệu Titanium/hợp kim Titanium. Đỉnh gồm 2 loại: + Đỉnh ngắn: Đường kính các cỡ, chiều dài đỉnh các cỡ. + Đỉnh dài: đường kính các cỡ, chiều dài đỉnh đủ các cỡ từ 320 - 400mm, bước tăng ≤ 20mm. - Yêu cầu đồng bộ Đỉnh nội tủy, vít chốt. Cung cấp trợ cụ để lắp đặt đỉnh đến khi tháo đỉnh. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	G20	Cái	200
18.2		Vít chốt cổ xương đùi	- Vật liệu Titanium/hợp kim Titanium - Đường kính thân: ≥ 10mm, độ dài: đủ các cỡ từ 80 - 100mm, mỗi bước tăng ≤ 5mm. Tiêu chuẩn ISO 13485	G20	Cái	200
18.3		Vít chốt khóa	- Chất liệu Titanium/hợp kim Titanium. Gồm 2 loại đường kính: 4,5mm và 5,0mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	G20	Cái	200

STT	Tên phần (lô)	Tên hàng hoá	Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Yêu cầu xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng dự trữ
18.4		Vít nắp đỉnh	- Chất liệu Titanium/hợp kim Titanium, sử dụng với đỉnh chống xoay. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	G20	Cái	200
19	Xương nhân tạo dạng hạt	Xương nhân tạo dạng hạt	Thành phần gồm Biphasic Calcium Phosphate, kích thước độ xốp trung bình trong khoảng từ 300 - 600 Micromét. Dung tích ≥ 10 cc. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Nhóm các nước G7	Gói	20
20	Xương nhân tạo dẻo	Xương nhân tạo dẻo	- Chất liệu: vật liệu thủy tinh hoạt tính - Công dụng: tạo ra sự phát triển của xương và kích thích tế bào gốc Dung tích ≥ 5 cc trong Xi lanh. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Nhóm các nước G7	Cái	25
21	Mũi khoan phẫu thuật xương	Mũi khoan phẫu thuật xương	Chất liệu thép không gỉ, đủ các cỡ đường kính 2,5mm; 2,7mm; 3,5mm; 3,7mm; 4,2mm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485		Cái	1.700
22	Nẹp cố định xương sọ tròn và vít tự khoan					
		Nẹp cố định xương sọ tròn 6 lỗ	Đường kính các cỡ (tối thiểu 02 kích thước) - Chất liệu Titanium - Sử dụng hệ thống vít tự khoan, tự taro đường kính 1.5-1.6mm - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Nhóm các nước G7/ EU	Cái	150
		Vít tự khoan, tự taro	Vít tự khoan, tự taro, đường kính nằm trong khoảng từ 1.5-1.6 mm. Chất liệu Hợp kim Titanium hoặc titanium. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Nhóm các nước G7/ EU	Cái	600
Tổng số: 22 phần/lô (69 mặt hàng)						